

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 415/2023/HC-PT

Ngày 08 - 6 - 2023

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất
đai và quyết định giải quyết khiếu nại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Vân Hương và bà Lê Thị Thúy Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Hải Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Lê Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T. Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hành chính thụ lý số: 187/2023/TLPT-HC ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai và Quyết định giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2022/HC-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5961/2023/QĐPT-HC ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông HNV, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn PT, xã VP, thành phố T, tỉnh T. (có mặt)

2. *Người bị kiện:*

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông H- Phó Chủ tịch UBND tỉnh T. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh: Ông N-Trưởng phòng nghiệp vụ Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. (có mặt)

2.2. UBND thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông D- Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T. (vắng mặt)

2.3. Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố và Chủ tịch UBND thành phố T: Ông NVĐ- Phó Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố và Chủ tịch UBND thành phố T: Ông T- Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T. (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà ĐTH, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn PT, xã VP, thành phố T.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông HNV. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, đơn bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện ông HNV trình bày:

Năm 1993, gia đình ông được cấp 2275m² đất nông nghiệp tại thôn PT, xã VP cho 5 khẩu gồm ông HNV, vợ ông là bà ĐTH cùng các con là anh HVQ, chị HTV và anh HVQ, trong quá trình sử dụng, gia đình ông đã tách ruộng cho các con.

Ngày 01/12/2016, UBND thành phố T, tỉnh T có Quyết định số 13577/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 13577) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (viết tắt là BT, HT GPMB) dự án xây dựng khu dân cư mới xã VP, gia đình ông bị thu hồi diện tích là 432m² thuộc thửa đất số 614 tờ bản đồ số 01 tại thôn PT. Căn cứ phương án BT, HT GPMB kèm theo Quyết định số 13577, gia đình ông tại số thứ tự 42 được BT, HT tổng số tiền là 83.394.000đồng, việc giao nhận tiền không có hóa đơn, chứng từ mà chỉ ký vào quyền sở của người giao tiền. Trong phần diện tích bị thu hồi chỉ có tiêu chuẩn ruộng của ông và bà H, không liên quan đến các con ông.

Theo Thông báo số 221/T-PTQĐ ngày 02/12/2016 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T, ông được biết UBND thành phố T sử dụng đất thu hồi của gia đình ông vào mục đích phát triển kinh tế xã hội, gia đình ông đã bàn giao ruộng canh tác cho UBND thành phố T. Sau đó, ông nhận thấy UBND thành phố T lại giao cho Công ty Cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long (gọi tắt là Công ty Thăng Long) thực hiện dự án với tên gọi Khu đô thị mới, xã VP, thành phố T, trong khi tại danh mục các công trình, dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh T (ban hành kèm theo công văn số 2824/BTNMT-TLQLĐĐ ngày 27/4/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (viết tắt là TN&MT) về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh T) dự án tại xã VP, thành phố T là dự án “Khu đô thị, thương mại dịch vụ”. Quá trình thực hiện, Công ty Thăng Long thực hiện phân lô, bán nền khu đất dự án. Căn cứ theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, dự án mà Công

ty Thăng Long thực hiện không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất mà thuộc trường hợp doanh nghiệp phải tự thỏa thuận, thương lượng với người dân trên cơ sở giao dịch dân sự quy định tại Điều 73 Luật Đất đai 2013. Vì vậy, UBND thành phố T không có thẩm quyền thu hồi đất của gia đình ông, đồng nghĩa với các quyết định UBND thành phố ban hành là trái pháp luật.

Quá trình thu hồi đất, BT, HT tái định cư do UBND thành phố thực hiện tồn tại nhiều sai phạm, cụ thể: tiền bồi thường được chi trả cho các hộ dân được áp dụng nhiều mức giá khác nhau, có hộ được bồi thường 69.000.000 đồng/sào, có hộ 130.000.000 đồng/sào, 150.000.000 đồng/sào, 175.000.000 đồng/sào.

Ông thấy việc BT, HT của Nhà nước không công bằng nên ông đã cùng một số hộ dân trong thôn ủy quyền cho bà Tươi, bà Tròn, bà Mai làm đơn đề nghị UBND thành phố T hỗ trợ bổ sung cho các hộ dân đã bị thu hồi đất đã nhận tiền bồi thường đợt đầu với giá thấp nhưng UBND thành phố T không chấp nhận.

Ngày 13/12/2019 và 28/5/2020, bà Tươi đại diện cho các hộ dân có đất bị thu hồi đã có đơn khiếu nại quyết định BT, HT GPMB thực hiện dự án “Khu đô thị mới xã VP” của UBND thành phố T, cụ thể: Quyết định số 13577 v/v phê duyệt phương án BT, HT GPMB dự án Xây dựng khu dân cư mới xã VP, thành phố T; Quyết định 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của UBND thành phố T v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án (viết tắt là Quyết định số 1185); Quyết định 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của UBND thành phố T v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án (viết tắt là Quyết định số 1649); Quyết định 2282/QĐ-UBND ngày 13/7/2019 của UBND thành phố T v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Xây dựng khu đô thị mới xã VP, thành phố T (viết tắt là Quyết định số 2282).

Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố T ra Quyết định số 3272/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại lần đầu bác toàn bộ nội dung khiếu nại (viết tắt là Quyết định số 3272), giữ nguyên các Quyết định 13577, Quyết định 1185, và Quyết định 2282. Không đồng ý với quyết định trên, ngày 21/10/2020 các hộ dân đã khiếu nại đối với Quyết định 3272 v/v giải quyết khiếu nại lần đầu.

Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 520) v/v giải quyết khiếu nại lần 2 của bà HTT cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn PK và thôn PT, xã VP, thành phố T v/v giải quyết khiếu nại lần đầu, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố T.

Việc giữ nguyên các quyết định giải quyết khiếu nại gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của gia đình ông, những người trực tiếp có đất bị thu hồi. Dự án thực hiện là dự án tư nhân, có mục đích thương mại, kinh tế nhưng UBND thành phố T thu hồi đất và bồi thường đất theo giá Nhà nước, không có bất kỳ sự thỏa thuận nào giữa người dân và chủ dự án là không đúng quy định của pháp luật đất đai và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Ông không có ý kiến gì về việc thu hồi đất nhưng việc đền bù, HT GPMB không công bằng nên ông phải đòi hỏi quyền lợi, ông yêu cầu UBND thành phố T nâng mức bồi thường cho gia đình ông lên 175.000.000 đồng/sào và yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Hủy Quyết định 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà HTT cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn PK, thôn PT, xã VP, thành phố T, tỉnh T.

Hủy Quyết định 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà HTT cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn PK, thôn PT, xã VP, thành phố T, tỉnh T.

Hủy quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố T v/v phê duyệt Phương án BT, HT GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã VP, thành phố T.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T trình bày:

Về căn cứ, thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT GPMB:

Dự án khu dân cư mới xã VP, thành phố T được UBND tỉnh T phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012; đây là dự án đối ứng tạo nguồn thu từ giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho công trình đường Kỳ Đồng kéo dài thành phố T, thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) chủ đầu tư là Công ty Thăng Long; được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013; UBND tỉnh T có văn bản số 2124/UBND -MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án; Hội đồng nhân dân tỉnh T có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Dự án khu dân cư mới xã VP thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013. Dự án có trong Kế hoạch sử dụng đất của thành phố T các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 được UBND tỉnh T phê duyệt tại quyết định: số 3292/QĐ-UBND ngày 31/12/2014, số 257/QĐ-UBND ngày 26/01/2016, số 247/QĐ-UBND ngày 20/01/2017, số 386/QĐ-UBND ngày 05/02/2018, số 588/QĐ-UBND ngày 25/02/2019.

Dự án có tổng diện tích đất quy hoạch là 31ha, trong đó: đất công trình văn hóa 0,19ha; đất công trình giáo dục 0,43ha; đất công trình thể thao 0,38ha; đất dịch vụ thương mại 0,98ha; đất nhà ở liền kề 11,41ha; đất xây dựng chung cư nhà ở xã hội 1,1ha; đất nhà ở hiện trạng 0,47ha; đất cây xanh, mặt nước 2,9ha; đất đầu nối hạ tầng kỹ thuật 0,36ha; đất giao thông 12,73ha. Như vậy, dự án khu dân cư mới xã VP có mục đích để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng nên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất

đai năm 2013. Dự án không thuộc trường hợp sử dụng đất thông qua hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để sản xuất kinh doanh quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ quy định tại Điều 62, Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh T về việc ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT GPMB, vì vậy UBND thành phố T đã ban hành Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân và Quyết định số 13577 phê duyệt phương án BT, HT GPMB (trong đó có hộ gia đình ông HNV) để thực hiện dự án là đúng căn cứ, đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Về trình tự thủ tục và chế độ chính sách BT, HT khi Nhà nước thu hồi đất:

Ngày 05/8/2016, UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất và đã ban hành các thông báo thu hồi đất và gửi đến người có đất bị thu hồi thuộc dự án theo quy định. Ngày 31/8/2016 và ngày 11/9/2016 Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố phối hợp với UBND xã VP, cơ sở thôn, các đơn vị có liên quan và đại diện các hộ dân có đất bị thu hồi họp để triển khai công tác GPMB dự án, trong đó: đã triển khai kế hoạch, thông báo thu hồi đất, các quy định của pháp luật về GPMB.

Sau khi thống kê diện tích, chủ sử dụng đất, tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi, nhân khẩu nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án, kiểm đếm tài sản, cây trồng trên đất, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã lập phương án BT, HT GPMB phối hợp với UBND xã VP, cơ sở các thôn tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án BT, HT GPMB phối hợp với UBND xã VP, cơ sở các thôn tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án BT, HT theo quy định.

Xét đề nghị của các phòng, ban, đơn vị liên quan; UBND thành phố T đã ban hành các quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án và ban hành các Quyết định phê duyệt phương án BT, HT GPMB, trong đó có Quyết định số 13577 phê duyệt phương án BT, HT GPMB liên quan đến hộ ông HNV.

Về lập phương án BT, HT, GPMB: Sau khi ban hành Kế hoạch, Thông báo thu hồi đất, UBND thành phố T đã chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất, các phòng, ban, đơn vị liên quan thành phố và UBND xã VP lập phương án BT, HT, GPMB đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi thuộc dự án đúng theo chế độ chính sách, đơn giá BT, HT và thống nhất chung cho tất cả các hộ dân trong cùng dự án theo quy định tại Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 và Công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh T; Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất, Phòng TN&MT thành phố T, UBND thành phố đã phê duyệt phương án BT, HT, GPMB cho các hộ dân tại Quyết định số 13577 (trong đó có hộ ông V) là đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai; Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính

phủ và Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 và Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh T, đảm bảo thống nhất một chế độ chính sách đối với tất cả các hộ dân trong cùng dự án. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã phối hợp với UBND xã VP thông báo và tổ chức chi trả tiền BT, HT cho các hộ dân theo đúng phương án được phê duyệt. Như vậy, việc ông V cho rằng phương án BT, HT, GPMB của dự án khu dân cư mới xã VP không công bằng là không có cơ sở.

Về sự khác biệt tên dự án: Tại số thứ tự 154 Danh mục các công trình, dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh T ban hành kèm theo Công văn số 2824/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 24/7/2013 của Bộ TN&MT về việc chuyển mục đích đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh T (được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 29/3/2013) tên dự án, công trình là dự án Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã VP, thành phố T, tổng diện tích 31ha, trong đó đất trồng lúa 25,7ha.

Tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh T về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư VP, thành phố T, dự án có tổng diện tích đất quy hoạch là 31 ha.

Về thực chất Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã VP hay Khu dân cư VP đều là một dự án Khu dân cư mới xã VP; vì dự án có cùng một vị trí, địa điểm, cùng một diện tích; tại mục căn cứ xem xét, thẩm định dự án trình Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận là Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh T về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư VP, thành phố T.

Việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố T:

Không nhất trí với đơn giá BT, HT một số hộ dân có đất thu hồi tại dự án có đơn khiếu nại gửi UBND thành phố; theo đơn khiếu nại đề ngày 28/5/2020 và nội dung làm việc ngày 11/6/2020 của Thanh tra thành phố T, bà HTT cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn PK, thôn PT, xã VP, thành phố T, tỉnh T khiếu nại Quyết định số 13577, số 1185, số 1649, số 2282 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã VP, thành phố T.

Xem xét giải quyết khiếu nại của các hộ dân, ngày 03/7/2020, UBND thành phố có Thông báo số 590/T-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại; ngày 20/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 2411/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại lần đầu của bà bà HTT cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn PK, thôn PT, xã VP, thành phố T; ngày 09/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố có Quyết định số 2323/QĐ-UBND ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết khiếu nại.

Xét đề nghị của Đoàn xác minh tại báo cáo số 03/BC-ĐXM về kết quả xác

minh nội dung khiếu nại của bà HTT cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn PK, thôn PT, xã VP, thành phố T. Ngày 17/9/2020, Phó Chủ tịch UBND thành phố T đã ký Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà HTT cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn PK và thôn PT, xã VP, thành phố T; trong đó kết luận: giữ nguyên nội dung Quyết định số 13577, số 1185, số 1649, số 2282 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã VP, thành phố T.

Việc giải quyết khiếu nại vụ việc nêu trên của Chủ tịch UBND thành phố T là đảm bảo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Vì các căn cứ trên, UBND thành phố và Chủ tịch UBND thành phố T khẳng định toàn bộ quá trình thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT, GPMB và giải quyết khiếu nại liên quan đến thu hồi đất tại dự án khu dân cư mới xã VP, thành phố T đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh T xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T trình bày:

Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại (lần hai): Chủ tịch UBND tỉnh T thụ lý giải quyết khiếu nại (lần hai) của các công dân đối với Quyết định số 3272 của Chủ tịch UBND thành phố T là bảo đảm đúng quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011 và khoản 7 Điều 22 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai): Sau khi nhận đơn khiếu nại của các công dân, Chủ tịch UBND tỉnh T thực hiện thụ lý, thông báo cho các công dân và giao Sở TN&MT xác minh nội dung khiếu nại; tổ chức đối thoại với các công dân theo quy định trước khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai). Vì vậy trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai) nêu trên bảo đảm theo đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

Về nội dung giải quyết khiếu nại (lần hai): Căn cứ Báo cáo số 322/BC-STNMT ngày 30/12/2021 của Sở TN&MT về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà HTT cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn PK, thôn PT, xã VP, thành phố T đối với Quyết định số 3272 của Chủ tịch UBND thành phố T

về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), Chủ tịch UBND tỉnh T thấy: Việc giải quyết khiếu nại của các công dân xã VP của Chủ tịch UBND thành phố T bảo đảm đúng trình tự, thẩm quyền, đảm bảo quyền lợi của hộ gia đình ông HNV và các hộ gia đình có đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật nên đã quyết định giữ nguyên Quyết định số 3272 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là có cơ sở. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh T đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H không có ý kiến trình bày.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2022/HC-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; các Điều 62, 66, 69, 75, 77, 83, 84, 89, 90, 93, 204 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; các Điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 22, 29 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông HNV về việc:

Yêu cầu hủy Quyết định 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà HTT cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn PK, thôn PT, xã VP, thành phố T, tỉnh T.

Yêu cầu hủy Quyết định 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà HTT cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn PK, thôn PT, xã VP, thành phố T, tỉnh T.

Yêu cầu hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố T v/v phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã VP, thành phố T.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 31/8/2022, người khởi kiện ông HNV có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông HNV giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông và yêu cầu UBND thành phố T nâng mức bồi thường cho gia đình ông

lên 175.000.000đồng/sào.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông HNV, giữ nguyên bản án sơ thẩm nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của ông HNV, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 31/8/2022, người khởi kiện ông HNV có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm nêu trên. Đơn kháng cáo của người khởi kiện gửi trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Xét thấy, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố và Chủ tịch UBND thành phố T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã ủy quyền cho ông V tham gia tố tụng nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Ngày 05/02/2021 Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà HTT cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn PK, thôn PT, xã VP, thành phố T (trong đó có hộ bà Bông), nội dung giữ nguyên kết quả giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T. Ngày 10/5/2021, ông HNV nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính. Như vậy việc khởi kiện của ông V còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh T theo quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của ông HNV, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

[2.1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố T về việc phê duyệt Phương án BT, HT, GPMB:

[2.1.1] Về thẩm quyền:

Dự án Khu dân cư xã VP, thành phố T được UBND tỉnh T phê duyệt quy

hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012; được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013; UBND tỉnh T có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án; ngày 09/12/2015, Hội đồng nhân dân tỉnh T có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Như vậy, dự án khu dân cư mới xã VP thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Khu vực thu hồi đất để thực hiện dự án có cả đất công ích của xã VP và đất của hộ gia đình cá nhân, UBND tỉnh T đã ủy quyền cho UBND thành phố T quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT và tái định cư theo Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 là đúng quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013. UBND thành phố ban hành Quyết định thu hồi đất đối với hộ ông HNV và Quyết định phê duyệt phương án BT, HT GPMB là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[2.1.2] Về trình tự, thủ tục thu hồi đất:

Ngày 05/8/2016, UBND thành phố T, tỉnh T đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất. Sau đó, UBND thành phố T, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã phối hợp với UBND xã VP ban hành thông báo về việc thu hồi đất, gửi đến người có đất bị thu hồi và niêm yết công khai dự thảo phương án BT, HT, GPMB, tiếp nhận ý kiến và giải đáp thắc mắc của các hộ gia đình, cá nhân về dự thảo phương án BT, HT, GPMB; tổng hợp, hoàn thiện phương án trình các phòng, ban đơn vị liên quan của UBND thành phố thẩm định. Ngày 01/12/2016, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 13535/QĐ-UBND v/v thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư mới xã VP, thu hồi của hộ gia đình ông HNV (H) 436,5m² tại thửa đất số 614, tờ bản đồ số 01, thuộc địa giới hành chính xã VP, thành phố T. Ông HNV không khiếu nại gì đối với quyết định thu hồi đất. Sau đó, UBND thành phố đã ban hành các Quyết định phê duyệt phương án BT, HT GPMB để thực hiện dự án theo quy định, trong đó có Quyết định số 13577.

Đối chiếu các khoản BT, HT mà gia đình ông HNV được UBND thành phố T phê duyệt theo Phương án BT, HT GPMB kèm theo Quyết định số 13577 (số thứ tự 42), diện tích đất thu hồi theo hiện trạng 436,5m², diện tích được bồi thường là 432m², tỷ lệ % thu hồi là 17,2%, thấy:

Bồi thường về đất: tổng cộng là 18.144.000đồng (đơn giá đất trồng cây hằng năm 42.000đồng/m², hệ số 1,0) là phù hợp với quy định của Điều 77 Luật Đất đai; Quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh T ban hành kèm theo Quyết định 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh T; Quyết định 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh T về việc quy định hệ số điều

chính giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh T năm 2016;

Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tổng cộng: 27.216.000 đồng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 83, Điều 84, Điều 15 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh T Ban hành quy định một số chính sách BT, HT và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh T; khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Hỗ trợ khác theo Công văn 1346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh T với tổng số tiền 36.288.000 đồng (mức hỗ trợ 84.000đ/m²) là phù hợp với quy định tại Điều 90 Luật Đất đai;

Bồi thường hỗ trợ tài sản, xây dựng, cây cối hoa màu 1.746.000 đồng là phù hợp với công văn 3619/UBND-NNTNMT ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh T về việc hỗ trợ khác để GPMB;

Tổng cộng các khoản trên là 83.394.000 đồng.

Sau khi Phương án BT, HT, GPMB được UBND thành phố phê duyệt, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã thực hiện việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Phương án, công khai mức BT, HT; đồng thời thông báo Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án BT, HT tới các hộ gia đình, cá nhân.

Thực hiện các Quyết định phê duyệt phương án BT, HT, GPMB của UBND thành phố, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp với UBND xã VP tổ chức thực hiện việc chi trả tiền BT, HT, GPMB cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng phương án đã được UBND thành phố phê duyệt. Ông V đã ký nhận 83.394.000 đồng. Ngoài ra, hộ ông V còn được hỗ trợ khác 12.420.000 đồng theo Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 5484/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố T, đã được chi trả và ông V không khiếu nại đối với quyết định này.

Như vậy, UBND thành phố đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và đảm bảo chính sách BT, HT khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông V, đúng quy định tại các Điều 74, 75, 77, 83, 84 Luật Đất đai năm 2013, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về BT, HT, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các Quyết định của UBND tỉnh T như đã phân tích trên.

Việc ông V cho rằng trường hợp này ông được quyền thỏa thuận giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chủ đầu tư dự án là không có căn cứ, vì: Dự án Khu dân cư mới xã VP là dự án đối ứng tạo nguồn thu từ giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho công trình đường Kỳ Đồng kéo dài thành phố T thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT), chủ đầu tư là Công ty Thăng Long (Quyết định số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 của UBND

tỉnh T chấp thuận đầu tư dự án Khu dân cư mới xã VP). Đây không thuộc trường hợp chủ đầu tư dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thỏa thuận về giá chuyển nhượng với người có đất thu hồi theo quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013 như ông V trình bày.

Ông V còn cho rằng việc bồi thường về đất giữa các hộ gia đình có đất bị thu hồi trong cùng dự án có giá khác nhau, không đảm bảo công bằng, nhưng ông V không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh. Các tài liệu người bị kiện giao nộp thể hiện tất cả các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức mà Nhà nước có Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư mới xã VP, thành phố T đều được áp dụng chung cơ chế, chính sách BT, HT; không có tài liệu nào thể hiện việc UBND thành phố T áp giá BT cao hơn cho một số hộ gia đình khác như ông V trình bày. Việc BT, HT đã đảm bảo nguyên tắc công bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, việc ông V đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc UBND thành phố T, tỉnh T nâng mức bồi thường cho gia đình ông lên 175.000.000đồng/sào là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 3272 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố T:

[2.2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định:

Về trình tự, thủ tục thu hồi đất: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà HTT cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn PK, PT, xã VP, thành phố T (trong đó có ông V); Chủ tịch UBND thành phố T đã thụ lý khiếu nại, quyết định thành lập đoàn xác minh nội dung khiếu nại, thu thập các tài liệu liên quan, tiến hành đối thoại với người đại diện của ông V. Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3272 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 29 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương và các Điều 18, 27, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ. Trong quá trình giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố T còn có vi phạm về thời hạn giải quyết theo quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại nhưng vi phạm này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông V nên không phải là căn cứ để hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3272.

[2.2.2] Về nội dung: Như đã phân tích tại mục [2.1] nêu trên, Quyết định số 3272 của Chủ tịch UBND thành phố T không chấp nhận yêu cầu của người khiếu nại (trong đó có hộ ông V) là hợp pháp và có căn cứ.

[2.3.] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của Chủ tịch UBND tỉnh T:

[2.3.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đã thụ lý khiếu nại lần hai của ông V và một số hộ dân thôn PK, PT, xã VP, đã giao Sở TN&MT tỉnh Thái Bình xác minh khiếu nại và tiến hành đối thoại với người khiếu nại. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 520 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai). Như vậy về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 21, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 22 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương về nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

[2.3.2] Về nội dung: Như đã phân tích tại mục [2.2] nêu trên, Quyết định số 520 của Chủ tịch UBND tỉnh T đã công nhận và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại Quyết định số 3272 của Chủ tịch UBND thành phố T là hợp pháp và có căn cứ.

[2.4] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông HNV là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên kháng cáo của ông V không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông HNV là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, vì vậy cần miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông V theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử.

[1] Bác kháng cáo của ông HNV. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2022/HC-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

[2] Án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông HNV.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân Hương Lê Thị Thúy Bình

Trần Quang Minh

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS T;
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh

